TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quế Phượng và bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký TAND huyện Long Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST- DS ngày 25/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101A/2024/QĐST-DS ngày 25/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E);

Địa chỉ: Tầng H, Văn phòng số L, tòa nhà V, số G, L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hà P – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Thu T – Chức vụ: Trưởng nhóm tín dụng cá nhân– Ngân hàng TMCP X (E) – Chi nhánh B – Phòng G theo giấy ủy quyền số 285/2023/EIB PGDLĐ ngày 22/11/2023 của Giám đốc E chi nhánh B – Phòng G.

Địa chỉ: N ba L, tỉnh lộ 44A, tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Bà T có mặt).

Bị Đơn:

Ông Chu Văn V, Sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Bà Hoàng Ngọc Tố Q, Sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: E13, Tổ 11, ấp Phước Thiện, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà

Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu như sau:

Ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q đã ký với Ngân hàng TMCP X (E) hai hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 1830-LAV-210071386 ngày 14/10/2021**,** E cung cấp tín dụng từng lần với số tiền: 300.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn cho vay: 36 tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông V và bà Q đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1803-LDS-210000883 ngày 14/10/2021, cụ thể:

- Số tiền: 300.000.000 đồng, dư nợ hiện tại (Nợ gốc): 124.516.859 đồng.
- Kỳ hạn trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 8.333.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 14/11/2021, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 14/10/2024, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 14.

- Lãi suất cho vay: 9,99%/năm cố định trong 01 năm đầu
- Chu kỳ thay đổi lãi suất: Từ năm thứ 2 lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở +2,9%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Hợp đồng tín dụng số 1830-LAV-210093862 ngày 14/12/2021, E cung cấp tín dụng từng lần với số tiền: 410.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Huyndai accent 1.4 AT; thời hạn cho vay: 84 tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông V và bà Q đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1830-LDS-210001171 ngày 14/12/2021, cụ thể:

` - Số tiền: 410.000.000 đồng, dư nợ hiện tại (Nợ gốc) : 316.770.539 đồng.
- Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Huyndai accent 1.4 AT
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 14/12/2021.
- Kỳ hạn trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau. 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 4.880.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 14/01/2022, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 14/12/2028, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 14.

- Lãi suất cho vay: 6,99%/năm cố định trong 06 tháng đầu.
- Chu kỳ thay đổi lãi suất: Sau đó 6 tháng tiếp theo, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở +2,3%/năm, sau đó bằng lãi suất cơ sở + 3,3%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng trên là:

+ Tài sản 01:

- Quyền sử dụng đất 70m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại địa chỉ: xã P, huyện L (nhà trệt + gác lửng, tường gạch, nền gạch, mái tôn).

- Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận QSDĐ số BP 477488 do UBND huyện L cấp ngày 22/11/2013.

- Tài sản là thuộc sở hữu của ông V, bà Q theo Hợp đồng thế chấp số 139/2021/ EIB PGDLĐ/BĐTS, được công chứng tại Văn phòng C, ngày 11/10/2021, số công chứng 3083, quyển số 02/2021-TPCC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2021 tại chi nhánh V1 đăng ký đất đai huyện L.

+ Tài sản 02:

- 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4 AT 2021

- Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011711 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 13/12/2021.

- Tài sản là thuộc sở hữu của ông V, bà Q theo Hợp đồng thế chấp số 195/2021/ EIB.PGDLĐ/PTVT, được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ số A đường N, xã P, huyện L, ngày 14/12/2021, số công chứng 4038, quyển số 02/2021-TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/12/2021 tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng .

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 29/9/2024, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q còn nợ E tổng số tiền là: 524.103.809 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 441.287.398 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.077.080 đồng

Nợ lãi quá hạn: 20.556.741 đồng; Lãi phạt: 7.182.590 đồng

* Yêu cầu của người khởi kiện:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và các Phụ lục đã ký kết, E yêu cầu Tòa Án Nhân Dân huyện Long Điền:

- Buộc ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q có trách nhiệm thanh toán cho E số tiền tính đến ngày 29/9/2024 là 524.103.809 đồng; Tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30/9/2024 cho đến khi ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

- Trường hợp ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì E được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ cho E:

+ Quyền sử dụng đất 70m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh BRVT (nhà trệt, gác lửng).

+ 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4 AT 2021.

- Nếu giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tổ Q1 có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ tại E.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục xét xử vụ án: Toà án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân Hàng TMCP X tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q vắng mặt nhiều lần không có lý do. Đề nghị TAND huyện Long Điền xét xử vắng mặt ông V và bà Q.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền đề nghị TAND huyện Long Điền chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đòi ông V và bà Q trả số tiền nợ gốc là 441.287.398 đồng nợ lãi tính đến ngày 29/9/2024 là 82.816.411 đồng và ông V và bà Q phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP X khởi kiện ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q (Cư trú tại xã P) về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

TAND huyện Long Điền đã triệu tập hợp lệ, đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q vắng mặt hai lần không có lý do (Vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 12/9/2024 và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa hôm nay). Theo quy định tại điều 227 bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện Long Điền xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

[2.1] Theo các chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện:

Ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q đã ký với Ngân hàng TMCP X (E) hai hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 1830-LAV-210071386 ngày 14/10/2021, E cung cấp tín dụng từng lần với số tiền: 300.000.000 đồng; mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng (Từ ngày giải ngân).

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông V và bà Q đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1803-LDS-210000883 ngày 14/10/2021, cụ thể:

- Số tiền: 300.000.000 đồng, dư nợ hiện tại (Nợ gốc): 124.516.859 đồng.

- Kỳ hạn trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 8.333.000 đồng. Kỷ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 14/11/2021, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 14/10/2024, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay; Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 14.

- Lãi suất cho vay: 9,99%/năm cố định trong 01 năm đầu; Chu kỳ thay đổi lãi suất: Từ năm thứ 2 lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + 2,9%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Hợp đồng tín dụng số 1830-LAV-210093862 ngày 14/12/2021, E cung cấp tín dụng từng lần với số tiền: 410.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Huyndai accent 1.4 AT; thời hạn cho vay: 84 tháng (Từ ngày giải ngân)

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông V và bà Q đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1830-LDS-210001171 ngày 14/12/2021, cụ thể:

` - Số tiền: 410.000.000 đồng, dư nợ hiện tại (Nợ gốc): 316.770.539 đồng.

- Kỳ hạn trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau. 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 4.880.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 14/01/2022, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 14/12/2028, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 14.

- Lãi suất cho vay: 6,99%/năm cố định trong 06 tháng đầu; Chu kỳ thay đổi lãi suất: Sau đó 6 tháng tiếp theo, lãi suất cho vay = (bằng) lãi suất cơ sở +2,3%/năm, sau đó bằng lãi suất cơ sở + 3,3%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng trên là:

+ Tài sản 01: Quyền sử dụng đất 70m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại địa chỉ: xã P, huyện L (Nhà cấp 4, tường xây gạch, nền gạch, mái tôn); Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận QSDĐ số BP 477488 do UBND huyện L, tỉnh BRVT cấp ngày 22/11/2013.

Tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông V, bà Q theo Hợp đồng thể chấp số 139/2021/ EIB PGDLĐ/BĐTS, được công chứng tại Văn phòng C, ngày 11/10/2021 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2021 tại chi nhánh V1 đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

+ Tài sản 02: 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4 AT 2021; Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011711 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 13/12/2021.

Tài sản trên thuộc sở hữu của ông V, bà Q theo Hợp đồng thế chấp số 195/2021/ EIB.PGDLĐ/PTVT, được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ tại xã P, huyện L, ngày 14/12/2021 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/12/2021 tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng .

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 29/9/2024, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q còn nợ E tổng số tiền: 524.103.809 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 441.287.398 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.077.080 đồng

Nợ lãi quá hạn: 20.556.748 đồng; Lãi phạt: 7.182.590 đồng

[2.3] Xét thấy, ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q (Bị đơn) đã vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc, không trả lãi đầy đủ hàng tháng theo thoả thuận tại hai hợp đồng tín dụng đã ký.

Cụ thể:

+ Thực hiện Hợp đồng vay 300 triệu đồng ngày 14/10/2021, bị đơn chỉ trả được 175.483.141 đồng trên số tiền phải trả gốc 283.322.000 đồng (Gồm 34 kỳ x 8.333.000 đồng), Hiện tại bị đơn còn nợ gốc hợp đồng này là 124.516.859 đồng.

+ Thực hiện Hợp đồng vay 410 triệu đồng ngày 14/12/2021, bị đơn chỉ trả được 93.229.461 đồng trên số tiền phải trả gốc 156.160.000 đồng (gồm 32 kỳ x 4.880.000 đồng), Hiện tại bị đơn còn nợ gốc hợp đồng này là 316.770.539 đồng.

+ Nợ lãi bị đơn chưa thanh toán cả hai hợp đồng là 82.816.411 đồng.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q phải trả cho ngân hàng TMCP X các khoản tiền sau:

Nợ gốc là 441.287.398 đồng;

Nợ lãi tính đến ngày 29/9/2024 là 82.816.411 đồng;

Ông V và bà Q phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng, theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, từ ngày 30/9/2024, cho đến khi ông V và bà Q thanh toán hết nợ.

Về tài sản đảm bảo: Trường hợp ông V bà Q không thực hiện việc trả nợ, hoặc trả không đầy đủ, E1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP X.

Về yêu cầu của E: Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tổ Q1 có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ tại E. Xét thấy yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với thoả thuận của các bên đương sự tại hợp đồng thế chấp, nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ông V và bà Q1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng; E đã tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông V và bà Q1 phải hoàn trả cho E số tiền là 2.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông V và bà Q1 phải chịu 24.964.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. [20.000.000 đồng + (124.103.809 đồng x 4%)].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X (E);

- Buộc ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q phải trả cho Ngân Hàng TMCP X (E) các khoản tiền sau:

+ Nợ gốc: 441.287.398 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi tám đồng).

+ Nợ lãi tính đến ngày 29/9/2024 là 82.816.411 đồng (Tám mươi hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn, bốn trăm mười một đồng);

- Ông V và bà Q phải trả lãi của số tiền nợ gốc cho E theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, kể từ ngày 30/9/2024 đến khi ông V và bà Q trả xong nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho E, thì E được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ cho E:

+ Quyền sử dụng đất 70m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại địa chỉ: xã P, huyện L (Nhà cấp 4, tường xây gạch, nền gạch, mái tôn); Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận QSDĐ số BP 477488 do UBND huyện L, tỉnh BRVT cấp ngày 22/11/2013.

+ 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4 AT 2021; Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011711 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 13/12/2021.

- Trong trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tổ Q1 có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ tại E.

2/- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ông V và bà Q1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng; E đã tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông V và bà Q1 phải hoàn trả cho E số tiền là 2.000.000 đồng.

3/- Về án phí:

- Ông Chu Văn V và bà Hoàng Ngọc Tố Q phải chịu 24.964.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân Hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân Hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là: 11.148.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004505 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

4/- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5/- Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận**:
-TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Tỉnh BRVT**;**
- VKSND H. Long Điền**;**
- Chi cục THA - DS H. Long Điền**;**
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Nghĩa.